

BIỂU TỔNG HỢP TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO QUÝ IV NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Hà Quảng)

Số TT	Tên xã, thị trấn	Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12		Tổng cộng kinh phí Quý IV		Kinh phí quý II và III chuyển sang	Kinh phí cấp quý IV	Ghi chú
		Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền			
1	TT Thông Nông	23	1,274,200	23	1,274,200	23	1,274,200	23	3,822,600		3,822,600	
2	TT Xuân Hòa	145	8,033,000	145	8,033,000	145	8,033,000	145	24,099,000		24,099,000	
3	Lương Can	201	11,135,400	201	11,135,400	201	11,135,400	201	33,406,200		33,406,200	
4	Đa Thông	359	19,888,600	359	19,888,600	359	19,888,600	359	59,665,800		59,665,800	
5	Lương Thông	528	29,251,200	528	29,251,200	528	29,251,200	528	87,753,600		87,753,600	
6	Cần Yên	236	13,074,400	236	13,074,400	236	13,074,400	236	39,223,200		39,223,200	
7	Cần Nông	271	15,013,400	271	15,013,400	271	15,013,400	271	45,040,200		45,040,200	
8	Thanh Long	266	14,736,400	266	14,736,400	266	14,736,400	266	44,209,200		44,209,200	
9	Yên Sơn	158	8,753,200	158	8,753,200	158	8,753,200	158	26,259,600		26,259,600	
10	Ngọc Động	190	10,526,000	190	10,526,000	190	10,526,000	190	31,578,000		31,578,000	
11	Ngọc Đào	200	11,080,000	200	11,080,000	200	11,080,000	200	33,240,000		33,240,000	
12	Trường Hà	171	9,473,400	171	9,473,400	171	9,473,400	171	28,420,200		28,420,200	
13	Sóc Hà	104	5,761,600	104	5,761,600	104	5,761,600	104	17,284,800	332,400	16,952,400	01 hộ giảm từ tháng 4
14	Quý Quân	116	6,426,400	116	6,426,400	116	6,426,400	116	19,279,200		19,279,200	
15	Lũng Nặm	295	16,343,000	295	16,343,000	295	16,343,000	295	49,029,000		49,029,000	
16	Cải Viên	353	19,556,200	353	19,556,200	353	19,556,200	353	58,668,600		58,668,600	
17	Nội Thôn	316	17,506,400	316	17,506,400	316	17,506,400	316	52,519,200		52,519,200	
18	Thượng Thôn	554	30,691,600	554	30,691,600	554	30,691,600	554	92,074,800		92,074,800	
19	Tổng Cột	355	19,667,000	355	19,667,000	355	19,667,000	355	59,001,000		59,001,000	
20	Hồng Sỹ	379	20,996,600	379	20,996,600	379	20,996,600	379	62,989,800		62,989,800	
21	Mã Ba	320	17,728,000	320	17,728,000	320	17,728,000	320	53,184,000		53,184,000	
Tổng Cộng		5,540	306,916,000	5,540	306,916,000	5,540	306,916,000	5,540	920,748,000	332,400	920,415,600	